

ĐA DẠNG TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI THỊ TRẤN PHỐ BẮNG, HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

Nguyễn Tuấn Cường

(Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 3/2022 đến tháng 3/2023, nhằm đánh giá thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở thị trấn Phố Bàng, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Các phương pháp được sử dụng gồm điều tra cộng đồng (PRA), điều tra thực địa, so sánh hình thái, tra cứu và kế thừa các tài liệu chuyên ngành về cây thuốc. Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận 110 loài, 98 chi, thuộc 63 họ thực vật. Trong đó, ngành hạt kín có tới 97 loài chiếm 88,2%, ngành Dương xỉ có 7 loài chiếm 6,4%, ngành hạt trần có 6 loài chiếm 5,4%. Thực vật làm thuốc tại Phố Bàng đa dạng về dạng sống, với sự có mặt của 4 dạng sống khác nhau. 10 bộ phận của cây được sử dụng để chữa trị cho 15 nhóm bệnh. 34 loài cây thuốc quý, hiếm. Trong đó 29 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam năm 2007, 3 loài thuộc nhóm IA, 14 loài nhóm IIA nghị định 06/2019 của Chính phủ, 28 loài trong Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2007 và 29 loài trong Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2019.

Từ khóa: Cây thuốc, đa dạng, Đồng Văn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tài nguyên cây thuốc và tri thức bản địa trong sử dụng cây thuốc của cộng đồng các dân tộc là một tài sản vô cùng có giá trị. Ngày 17/3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 376/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó khuyến khích các nghiên cứu, trồng trọt và sử dụng thuốc nam với quy mô lớn đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Thị trấn Phố Bàng, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang với địa hình núi cao và phức tạp, độ chia cắt lớn tạo thành một thung lũng hẹp nằm xen kẽ các dãy núi đá vôi. Tài nguyên rừng chủ yếu là rừng tự nhiên với thảm thực vật phong phú và đa dạng về các loài dược liệu quý hiếm, đặc trưng cho kiểu khí hậu ôn đới. Hiện nay, với sự khai thác thiếu bền vững tài nguyên dược liệu, nhiều cây thuốc ngoài tự nhiên đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt. Việc điều tra, đánh giá thực trạng cây thuốc tại địa phương là rất cần thiết.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Các loài cây được sử dụng làm thuốc phân bố tự nhiên tại thị trấn Phố Bàng, huyện Đồng Văn, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra cộng đồng (PRA) được sử dụng để điều tra phỏng vấn người dân

địa phương, đặc biệt là những đối tượng có nhiều kinh nghiệm sử dụng các loài cây làm thuốc như thầy lang, những người thu hái cây thuốc, các hộ trồng, kinh doanh cây dược liệu.

- Phương pháp chung để điều tra cây thuốc áp dụng theo “Quy trình điều tra dược liệu” của Viện Dược liệu (2006) và “Phương pháp điều tra thu thập cây thuốc” của Nguyễn Tập (2006).

+ Phương pháp điều tra cây thuốc trên tuyến: Sử dụng phương pháp điều tra theo tuyến (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007) trong việc điều tra thực địa và thu thập mẫu cây thuốc trên tuyến. Sử dụng bản đồ hiện trạng rừng và thực tế khảo sát, thiết kế các tuyến điều tra đi qua các sinh cảnh đặc trưng cho khu vực nghiên cứu. Quá trình điều tra trên tuyến, sử dụng GPS Garmin Montana 680 đã cài đặt hệ tọa độ Vn2000 của Hà Giang để xác định tọa độ, độ cao của loài cây thuốc ghi nhận. Sử dụng máy ảnh kỹ thuật số để chụp ảnh mẫu và thu hái mẫu. Các thông tin về cây thuốc được ghi chép vào phiếu điều tra cây thuốc trên tuyến. Mẫu tiêu bản cây thuốc được thu thập, xử lý theo tài liệu “Phương pháp nghiên cứu thực vật” của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007).

+ Phương pháp điều tra cây thuốc trong ô tiêu chuẩn: Trên các tuyến điều tra, lập các ô tiêu chuẩn 10 x 10 m đại diện cho từng trạng thái rừng, kiểu rừng khác nhau. Ghi nhận và đo đếm toàn bộ các loài cây thuốc ở các tầng cây cao, tầng cây tái sinh, tầng cây bụi thảm tươi. Sử dụng GPS xác định tọa độ địa lý ở tâm ô tiêu chuẩn.

+ Các loài cây thuốc được định danh bằng phương pháp hình thái so sánh và các tài liệu chuyên ngành như: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 2003), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2005), Từ điển Cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2019), Danh lục cây thuốc Việt Nam (Viện Dược liệu, 2016).

- Phân loại dạng sống cây thuốc theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) và Võ Văn Chi (2019).

- Đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc dựa vào các tài liệu: Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam 2007, Danh lục đỏ cây thuốc 2019, Nghị định 06/2019/NĐ-CP.

- Tên khoa học được chỉnh lý theo World Flora Online Taxonomic Backbone v.2023.01, Jan. 07, 2023, Danh lục cây thuốc được xây dựng theo hệ thống phân loại của Brummit.

- Các chỉ tiêu thống kê được xác định bằng phần mềm Microsoft Excel 2016.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng về taxon thực vật làm thuốc

Kết quả nghiên cứu thành phần loài cây thuốc đã xác định được 110 loài, thuộc 98 chi, 63 họ của 3 ngành thực vật. Sự phân bố của các taxon trong các ngành không đồng đều, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm đa số với 97 loài chiếm 88,2% số loài, 87 chi chiếm 88,8% số chi, 54 họ chiếm 85,7% số họ. Hai ngành còn lại chiếm số lượng ít hơn. Cụ thể, ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 7 loài chiếm 6,4% số loài, 7 chi chiếm 7,1% số chi, 6 họ chiếm 9,5% tổng số họ; ngành Thông (Pinophyta) với 6 loài chiếm 5,4% số loài, 4 chi chiếm 4,1% số chi, 3 họ chiếm 4,8% tổng số họ. Chi tiết về đa dạng taxon thực vật làm thuốc tại thị trấn Phó Bảng trong bảng 1.

Bảng 1. Sự phân bố các taxon thực vật làm thuốc tại thị trấn Phó Bảng

Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	6	9,5	7	7,1	7	6,4
Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	54	85,7	87	88,8	97	88,2
Ngành Thông (Pinophyta)	3	4,8	4	4,1	6	5,4
Tổng	63	100	98	100	110	100

Về đa dạng loài ở bậc họ và chi (Bảng 2), kết quả nghiên cứu cho thấy họ Cúc (Asteraceae) là họ có số lượng loài và chi nhiều nhất, với 13 loài, 12 chi; họ Rau răm (Polygonaceae) xếp thứ hai, với 5 loài, 5 chi; họ Bạc hà (Lamiaceae) với 4 loài, 4 chi; họ Hoa hồng (Rosaceae) và họ Lan (Orchidaceae) có số lượng loài và chi bằng nhau là 4 loài thuộc 3 chi; họ Hoàng liên gai (Berberidaceae) có 3 loài thuộc 3 chi; họ Hoa chuông (Campanulaceae), Thầu dầu (Euphorbiaceae), Thanh tùng (Taxaceae) đều có

3 loài, thuộc 3 chi. Các họ Gừng (Zingiberaceae), Hoa tán (Apiaceae), Bông (Malvaceae), Măng tây (Asparagaceae), Mao lương (Ranunculaceae), Nho (Vitaceae), Ráng (Blechnaceae) và họ Thuốc bỏng (Crassulaceae) đều có 2 loài thuộc 2 chi. Có tới 40 họ có 1 loài, 1 chi, tuy nhiên, trong số này, một số họ có các loài có giá trị bảo tồn cao như Bây lá một hoa (*Paris polyphylla*), Ngũ gia bì hương (*Eleutherococcus nodiflorus*), Bình vôi (*Stephania rotunda*),...

Bảng 2. Đa dạng ở mức độ họ, chi

TT	Họ	Số chi	Số loài	TT	Họ	Số chi	Số loài
1	Họ Cúc	12	13	33	Họ Hoa mua	1	1
2	Họ Rau răm	5	5	34	Họ Hoa sói	1	1

TT	Họ	Số chi	Số loài	TT	Họ	Số chi	Số loài
3	Họ Bạc hà	4	4	35	Họ Hành	1	1
4	Họ Hoa hồng	3	4	36	Họ Hòa thảo	1	1
5	Họ Lan	3	4	37	Họ Hoa mõm chó	1	1
6	Họ Hoàng liên gai	3	3	38	Họ Hồ đào	1	1
7	Họ Hoa chuông	2	3	39	Họ Huyết dụ	1	1
8	Họ Thầu dầu	2	3	40	Họ Hoàng đàn	1	1
9	Họ Thanh tùng	2	3	41	Họ Long não	1	1
10	Họ Gừng	2	2	42	Họ Lô hội	1	1
11	Họ Hoa tán	2	2	43	Họ Mộc tặc	1	1
12	Họ Bông	2	2	44	Họ Mã tiền	1	1
13	Họ Mạch môn	2	2	45	Họ Mỏ hạc	1	1
14	Họ Mao lương	2	2	46	Họ Mua	1	1
15	Họ Nho	2	2	47	Họ Nam mộc hương	1	1
16	Họ Ráng	2	2	48	Họ Nữ lang	1	1
17	Họ Thuốc bỏng	2	2	49	Họ Ngũ gia bì	1	1
18	Họ Chua me đất	1	2	50	Họ Nhân sâm	1	1
19	Họ Kim giao	1	2	51	Họ Bầu bí	1	1
20	Họ Kim ngân	1	2	52	Họ Thu hải đường	1	1
21	Họ Loa kèn	1	2	53	Họ Rau dền	1	1
22	Họ Mộc hương	1	2	54	Họ Rau sam	1	1
23	Họ Trúc đào	1	2	55	Họ Ráng dừa	1	1
24	Họ Áo khiên	1	1	56	Họ Ráy	1	1
25	Họ Cẩu tích	1	1	57	Họ Thái lải	1	1
26	Họ Cơm cháy	1	1	58	Họ Bách bộ	1	1
27	Họ Dó đất	1	1	59	Họ Thanh giáp	1	1
28	Họ Đỗ trọng	1	1	60	Họ Tiết dê	1	1
29	Họ Đỗ quyên	1	1	61	Họ Tục đoạn	1	1
30	Họ Gai	1	1	62	Họ Cỏ roi ngựa	1	1
31	Họ Guột	1	1	63	Họ Cốt cần	1	1
32	Họ Trọng lâu	1	1	Tổng		98	110

3.2. Đa dạng về dạng sống

Theo kết quả nghiên cứu, 110 loài cây thuốc tại thị trấn Phó Bảng thuộc 4 nhóm dạng sống (Bảng 3). Dạng sống chiếm tỷ lệ nhiều nhất là thân thảo (Th), với 65 loài chiếm 59,1%; dạng cây bụi (B) với 19 loài chiếm 17,3%; dạng thân gỗ (G) với 14 loài chiếm 12,7% và dây leo (D) với 12 loài chiếm 10,9% tổng số loài. Nhóm thân thảo tập trung nhiều loài ở các họ như: Rau răm (Polygonaceae), Cúc (Asteraceae). Nhóm cây bụi chủ yếu phân bố ở các họ như: Trúc đào (Apocynaceae), Hoàng liên gai (Berberidaceae). Nhóm cây gỗ có các cây thuốc có giá trị như Thông đỏ bắc (*Taxus chinensis*), Đỗ trọng (*Eucommia ulmoides*).

Nhóm dây leo có nhiều cây thuốc có giá trị như: Giảo cổ lam (*Gynostemma pentaphyllum*), Đảng sâm (*Codonopsis javanica*), Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*) ...

Bảng 3. Đa dạng về dạng sống của cây thuốc

TT	Dạng sống	Số loài	Tỷ lệ %
1	Thân thảo (Th)	65	59,1
2	Bụi (B)	19	17,3
3	Gỗ (G)	14	12,7
4	Dây leo (D)	12	10,9
	Tổng	110	100

3.3. Đa dạng về bộ phận sử dụng cây thuốc

Qua phỏng vấn các lương y, những người đi hái thuốc nam, các hộ trồng và sử dụng cây thuốc nam ở Phó Bảng, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây thuốc tác giả đã thống kê bộ phận sử dụng của các loài cây làm thuốc gồm 10 nhóm: cả cây, thân, lá, rễ, vỏ, quả, hạt, củ, hoa, nhựa, dầu hạt, tinh dầu, làm cảnh (Bảng 4). Trong

đó, số loài cây thuốc được sử dụng cả cây chiếm đa số, với 44 loài chiếm 40,0%; sử dụng thân với 40 loài, chiếm 36,4%. Nhóm bộ phận sử dụng có số loài ít nhất gồm hoa với 4 loài (3,6%) và nhóm nhựa, dầu với 3 loài (2,7%). Phần lớn các cây thuốc tại khu vực nghiên cứu ở dạng thân thảo, được sử dụng cả cây. Điều này có thể gây ra cạn kiệt tài nguyên cây thuốc một cách nhanh chóng khi người dân khai thác thiếu bền vững.

Bảng 4. Đa dạng các bộ phận sử dụng của cây thuốc

TT	Bộ phận sử dụng	Số lượng loài	Tỷ lệ %
1	Cả cây	44	40,0
2	Thân	40	36,4
3	Lá, cành lá	29	26,4
4	Rễ	17	15,5
5	Vỏ	11	10,0
6	Quả	7	6,4
7	Hạt	7	6,4
8	Củ	6	5,5
9	Hoa	4	3,6
10	Nhựa, dầu hạt, tinh dầu	3	2,7

3.4. Đa dạng về dạng sống

Dựa theo các tài liệu chuyên ngành về cây thuốc của Võ Văn Chi (2018) và Viện Dược liệu (2016), kết hợp với phỏng vấn các lương y, những

người đi thu hái cây thuốc, một số người dân trồng và sử dụng cây thuốc ở Phó Bảng, tác giả đã thống kê được 15 nhóm bệnh có thể sử dụng các loài cây hiện đã được ghi nhận (Bảng 5).

Bảng 5. Đa dạng về giá trị sử dụng của các loài thuốc

TT	Nhóm bệnh	Số lượng loài	Tỷ lệ %
1	Nhóm cây chữa bệnh phụ nữ	29	26,4
2	Nhóm cây chữa bệnh về đường hô hấp	25	22,7
3	Nhóm cây chữa bệnh ngoài da	23	20,9
4	Nhóm cây chữa bệnh tiêu hóa	22	20,0
5	Nhóm cây chữa bệnh về gan, dạ dày, thận	20	18,2
6	Nhóm cây chữa bệnh về xương	19	17,3
7	Nhóm cây chữa bệnh khác	18	16,4
8	Nhóm cây bồi bổ sức khỏe	11	10,0
9	Nhóm cây chữa bệnh do thời tiết	10	9,1
10	Nhóm cây chữa bị động vật cắn	9	8,2
11	Nhóm cây chữa bệnh về đường tiết niệu	8	7,3
12	Nhóm cây chữa bệnh về thần kinh	7	6,4
13	Nhóm cây chữa bệnh về tim mạch	3	2,7
14	Nhóm cây chữa bệnh về răng	2	1,8
15	Nhóm cây chữa bệnh về nam giới	1	0,9

Nhóm cây chữa bệnh phụ nữ có 29 loài (chiếm 26,4% tổng số loài), nhóm cây chữa bệnh về đường hô hấp có 25 loài (chiếm 22,7%), nhóm cây chữa bệnh ngoài da có 23 loài (chiếm 20,9%), nhóm cây chữa bệnh tiêu hóa có 22 loài (chiếm 20,0%), nhóm cây chữa bệnh về gan, dạ dày, thận có 20 loài (chiếm 18,2%), nhóm cây chữa bệnh về xương có 19 loài (chiếm 17,3%), nhóm cây chữa bệnh khác có 18 loài (chiếm 16,4%), nhóm cây bồi bổ sức khỏe có 11 loài (chiếm 10,0%), nhóm cây chữa bệnh do thời tiết có 10 loài (chiếm 9,1%), nhóm cây chữa bị động vật cắn có 9 loài (chiếm 8,2%), nhóm cây chữa bệnh về đường tiết niệu có 8 loài (chiếm 7,3%), nhóm cây chữa bệnh về thần kinh có 7 loài (chiếm 6,4%), nhóm cây chữa bệnh về tim mạch có 3 loài (chiếm 2,7%), nhóm cây chữa bệnh về răng có 2 loài (chiếm 1,8%), nhóm cây chữa bệnh về nam giới có 1 loài (chiếm 0,9%).

3.5. Các loài cây thuốc quý, hiếm tại thị trấn Phó Bảng

Kết quả điều tra đã xác định được 34 loài cây

thuốc quý, hiếm (chiếm 28,2%) trong tổng số 110 loài cây thuốc ghi nhận tại khu vực nghiên cứu (Bảng 6). Cụ thể:

(1) Có 29 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007): 02 loài ở mức cực kỳ nguy cấp; 13 loài ở mức nguy cấp; 14 loài ở mức sắp nguy cấp;

(2) 17 loài có tên trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, trong đó: 03 loài thuộc nhóm IA (Các loài thực vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại); 14 loài thuộc nhóm IIA (Các loài thực vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại);

(3) 28 loài nằm trong Danh lục đỏ cây thuốc (DLĐCT) năm 2007: 3 loài ở mức cực kỳ nguy cấp; 16 loài ở mức nguy cấp; 9 loài ở mức sắp nguy cấp;

(4) 29 loài nằm trong DLĐCT năm 2019: 6 loài ở mức cực kỳ nguy cấp; 18 loài mức nguy cấp; 5 loài ở mức sắp nguy cấp.

Bảng 6. Các cây thuốc quý, hiếm tại Phó Bảng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN 2007	NĐ 06/2019	DLĐCT 2007	DLĐCT 2019
1	Cỏ thi	<i>Achillea millefolium</i>	VU		VU	VU
2	Lan kim tuyến	<i>Anoetochilus setaceus</i>	EN	IA	EN	EN
3	Thanh mộc hương	<i>Aristolochia tuberosa</i>	EN		CR	CR
4	Tế tân blume	<i>Asarum blumei</i>		IIA		
5	Hoa tiên	<i>Asarum glabrum</i>	VU	IIA	EN	EN
6	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>	EN	IA	EN	EN
7	Bách xanh đá	<i>Calocedrus rupestris</i>	EN	IIA	EN	EN
8	Tiểu kế	<i>Cirsium lineare</i>			VU	VU
9	Đảng sâm	<i>Codonopsis javanica</i>	VU	IIA	EN	EN
10	Hoàng liên bắc	<i>Coptis chinensis</i>	CR	IA	CR	CR
11	Ngân đằng	<i>Cyclocodon lancifolius</i>	VU		VU	VU
12	Tục đoạn	<i>Dipsacus asper</i>	EN		EN	EN
13	Hoàng tinh cách	<i>Disporopsis longifolia</i>	VU	IIA	EN	EN
14	Cốt toái bồ	<i>Drynaria fortunei</i>	EN	IIA	VU	EN
15	Ngũ gia bì hương	<i>Eleutherococcus nodiflorus</i>	EN		CR	CR
16	Chùa dù	<i>Elsholtzia penduliflora</i>	VU		VU	EN
17	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i>	VU		EN	EN
18	Châu thụ	<i>Gaultheriana fragrantissima</i>	VU			

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN 2007	NĐ 06/2019	DLĐCT 2007	DLĐCT 2019
19	Thanh giáp	<i>Helwingia himalaica</i>	EN		VU	EN
20	Bách hợp	<i>Lilium poilanei</i>	EN	IIA	EN	EN
21	Kim ngân lá to	<i>Lonicera hildebrandiana</i>	CR		EN	CR
22	Hoàng liên ô rô	<i>Mahonia nepalensis</i>	EN	IIA	EN	EN
23	Lan một lá	<i>Nervilia aragoana</i>	VU	IIA		EN
24	Một lá tím	<i>Nervilia crocifformis</i>			EN	EN
25	Bảy lá một hoa	<i>Paris polyphylla</i>	EN	IIA	VU	CR
26	Thông tre lá dài	<i>Podocarpus neriifolius</i>	VU		VU	
27	Hoàng tinh vòng	<i>Polygonatum kingianum</i>	EN	IIA	EN	EN
28	Ba gạc vòng	<i>Rauvolfia verticillata</i>	VU			VU
29	Thủy bồn thảo	<i>Sedum sarmentosum</i>	VU		VU	VU
30	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i>				
31	Bình vôi	<i>Stephania rotunda</i>		IIA		
32	Thông đỏ bắc	<i>Taxus chinensis</i>	VU	IIA	EN	EN
33	Thỏ hoàng liên	<i>Thalictrum foliolosum</i>	VU	IIA	EN	CR
34	Sì to	<i>Valeriana jatamansi</i>	EN		EN	EN

Ghi chú: CR: Critically endangered - Cực kỳ nguy cấp; EN: Endangered - Nguy cấp; VU: Vulnerable - Sắp nguy cấp

4. KẾT LUẬN

Nguồn tài nguyên cây thuốc tại thị trấn Phó Bảng tương đối đa dạng, kết quả nghiên cứu đã ghi nhận được 110 loài, 98 chi, 63 họ thuộc 3 ngành thực vật. Các loài cây thuốc thuộc 4 nhóm

dạng sống. 8 nhóm bộ phận của các loài cây được sử dụng làm thuốc chữa trị 15 nhóm bệnh khác nhau. Đáng chú ý, các loài cây thuốc quý, hiếm có giá trị sử dụng và bảo tồn cao lên tới 34 loài, chiếm 28,2% số loài cây thuốc được ghi nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Vụ Khoa học Công nghệ và Chất lượng sản phẩm (2000). *Tên cây rừng Việt Nam*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). *Sách đỏ Việt Nam – Phần II: Thực vật*. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019). *Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp*.
4. Võ Văn Chi (2018). *Từ điển cây thuốc Việt Nam - tập 1 (tái bản lần thứ 1)*. NXB Y học, Hà Nội.
5. Võ Văn Chi (2018). *Từ điển cây thuốc Việt Nam - tập 2 (tái bản lần thứ 1)*. NXB Y học, Hà Nội.
6. Phạm Hoàng Hộ (1999). *Cây cỏ Việt Nam - Quyển 1*. NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Phạm Hoàng Hộ (2000). *Cây cỏ Việt Nam - Quyển 2*. NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Phạm Hoàng Hộ (2003). *Cây cỏ Việt Nam - Quyển 3*. NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Viện Dược liệu (2016). *Danh lục cây thuốc Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

DIVERSITY OF MEDICAL PLANT RESOURCES IN PHO BANG TOWN, DONG VAN DISTRICT, HA GIANG PROVINCE

Nguyen Tuan Cuong

(Forestry Faculty, Bac Giang Agriculture and Forestry University)

SUMMARY

This study was conducted from March 2022 to March 2023 to assess the status of diversity of medicinal plant resources in Pho Bang town, Dong Van district, Ha Giang province. In this study, the PRA (Participatory Rural Appraisal), field investigation, morphological comparison and classification, with the aid of specialized medicinal plant books were used. The results showed that a total of 110 species belonging to 98 genera and 63 plant families. In which, angiosperms have 97 species, accounting for 88.2%, ferns have 7 species, accounting for 6.4%, gymnosperms have 6 species, accounting for 5.4%. Medicinal plants in Pho Bang are diverse in life forms, with the presence of 4 different life forms. 10 parts of the plant are used to treat 15 groups of diseases. 34 species of precious and rare medicinal plants. Of which, 29 species listed in the Vietnam Red Book in 2007, 3 species listed in group IA and 14 species listed in group IIA in the Government's Decree 06/2019, 28 species listed in the Vietnam Red List of medicinal plants in 2007 and 29 species listed in the Vietnam Red List of medicinal plants in 2019.

Keywords: Diversity, Dong Van, medical plants.

Người phản biện: TS. Nguyễn Đắc Triển

Ngày nhận bài: 28/4/2023

Ngày phản biện: 12/5/2023

Ngày quyết định đăng: 26/5/2023